

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 12/02/2020.

V/v : “không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Ông Nguyễn Hải Vinh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tuyết- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 12/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2019/TLPT- HNGĐ ngày 18/12/2019 về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng" do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 93/2019/HNGĐ - ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 64/2019/QĐ-PT ngày 31/12/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐ-PT ngày 14/01/2020 của TAND tỉnh Bắc Giang, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Dương Văn Q, sinh năm 1975.

Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

*** Bị đơn:** Chị Trịnh Thị Q, sinh năm 1977.

Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Có mặt tại phiên tòa.

***Người kháng nghị:** Viện trưởng VKSND tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2019 các lời khai và diễn biến tại phiên tòa, nguyên đơn anh Dương Văn Q trình bày: Anh và chị Trịnh Thị Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cưới xong chị Q về chung sống cùng gia đình anh ngay. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2008 chị Q bỏ đi làm ăn ở đâu anh không biết. Đến tháng 11/2011 chị Q trở về nhà nhưng khi đó anh đi làm xa nên anh không gặp. Sau đó chị Q lại bỏ đi làm ăn, anh không biết đi đâu. Từ đó đến nay chị Q không về nên anh và chị Q đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được và đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng giữa anh và chị Q.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa anh và chị Q có 02 con chung là Dương Văn Q, sinh năm 1997 và Dương Văn V, sinh năm 1999. Các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

* Chị Trịnh Thị Q có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay chị Q không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành đăng phát thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết theo quy định của pháp luật. Nhưng hết thời hạn quy định chị Q không đến Tòa án trình bày lời khai và tại phiên tòa vắng mặt.

*Với nội dung nêu trên, bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số:93/2019/HNGĐ - ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã quyết định: Căn cứ Điều 9; Điều 14 và Điều 53- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không công nhận là vợ chồng giữa anh Dương Văn Q và chị Trịnh Thị Q.

Ngoài ra bản án còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

*Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/9/2019 Viện trưởng VKSND tỉnh Bắc Giang có quyết định kháng nghị số 20/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 93/2019/HNGĐ - ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị TAND tỉnh Bắc Giang xét xử hủy bản án sơ

thẩm do vi phạm về thẩm quyền xét xử. Căn cứ: Tòa án nhân dân huyện L thụ lý vụ án khi chị Trịnh Thị Q đang ở nước ngoài là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37- Bộ luật tố tụng dân sự, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị Q.

*Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn xin vắng mặt, không có đơn rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không rút kháng nghị.

- Bị đơn là chị Trịnh Thị Q trình bày: Tôi đồng ý nội dung kháng nghị của VKSND tỉnh Bắc Giang. Tôi đi xuất khẩu lao động ở Li Băng từ ngày 17/01/2012 đến ngày 7/9/2019 mới về đến sân bay Nội Bài. Tôi không biết việc TAND huyện L đã giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh Q và tôi. Tôi không đồng ý Tòa án nhân dân huyện L xét xử vụ án vắng mặt vì không đảm bảo quyền lợi của tôi. Sau khi nhận bản án sơ thẩm tôi có làm đơn đề nghị gửi VKSND tỉnh Bắc Giang cùng tài liệu là bản phô tô có công chứng sổ hộ chiếu, giấy thông hành để xem xét lại vụ án.

Việc tôi đi nước ngoài lao động là có sự bàn bạc thống nhất của cả hai vợ chồng và gia đình. Lần 1 tôi đi đảo Sip từ năm 2008 đến năm 2011, lần 2 tôi đi Li Băng từ năm 2012 đến năm 2019. Các lần tôi đi nước ngoài anh Q cùng người thân đưa ra sân bay Nội Bài. Việc anh Q trình bày không biết tôi đi làm ăn ở đâu là không đúng sự thật. Hiện nay tôi đã về nước hẳn không đi xuất khẩu lao động nữa. Tôi đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vì tôi còn có yêu cầu xem xét giải quyết tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với anh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: TAND huyện L thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm khi chị Trịnh Thị Q đã đi nước ngoài là không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37- Bộ luật tố tụng dân sự, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị Q.

Do đó đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng nghị số 20/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/9/2019 của Viện trưởng VKSND tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 3,

Điều 308; Điều 310- Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm. Giao hồ sơ vụ án cho TAND huyện L, tỉnh Bắc Giang giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Về án phí các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của kháng nghị: Quyết định kháng nghị số 20/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/9/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang được ban hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Do đó kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang là đúng thời hạn quy định của pháp luật, HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Dương Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có quan điểm xin xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. HĐXX thấy anh Q đã có bản tự khai và quan điểm trong hồ sơ vụ án. Do đó sự vắng mặt của anh Q không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 296- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Q.

[3]. Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, đề nghị hủy bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm do vi phạm thẩm quyền xét xử, HĐXX thấy:

[3.1]. Anh Dương Văn Q và chị Trịnh Thị Q chung sống với nhau từ năm 1996, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Anh Q khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Q là vợ chồng.

Tại đơn khởi kiện, anh Q đã ghi địa chỉ của chị Q là ở thôn C, xã Y, huyện L và cung cấp tài liệu chứng cứ là sổ hộ khẩu gia đình anh Q do Công an xã Y, huyện L cấp ngày 7/9/2004. Trong sổ hộ khẩu có tên chị Q, địa chỉ thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đồng thời anh Q cũng đã trình bày từ tháng 11/2011 chị Q đi làm ăn trở về nhà, sau đó lại đi làm ăn tiếp đến nay không về, anh không biết chị Q đi làm ăn ở đâu.

Căn cứ đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ do anh Q cung cấp, Tòa án đã xác định chị Q có địa chỉ ở thôn C, xã Y, huyện L để thụ lý giải quyết vụ án vào ngày

7/3/2019. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục nhắn tin cho chị Q biết về việc Tòa án đã thụ lý vụ án, ngày Tòa án mở phiên họp, hòa giải, mở phiên tòa xét xử vụ án trên Đài tiếng nói Việt Nam, Báo công lý; thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Q. Chị Q không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc anh Q khởi kiện. Ngày 22/8/2019 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt chị Q. Sau khi chị Q về nước đã nhận bản án sơ thẩm và có đơn gửi VKSND tỉnh Bắc Giang đề nghị xem xét lại.

[3.2]. Căn cứ đơn ghi ngày 11/9/2019, biên bản ghi lời khai ngày 20/9/2019 của chị Q và tài liệu chứng cứ là sổ hộ chiếu, giấy thông hành của chị Trịnh Thị Q do chị Q giao nộp xác định: Chị Trịnh Thị Q xuất cảnh đi lao động ở nước ngoài (Li Băng) từ ngày 17/01/2012 đến ngày 07/9/2019 mới nhập cảnh về Việt Nam qua Sân bay quốc tế Nội Bài. Như vậy, trong thời gian kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án 07/3/2019 đến ngày Tòa án xét xử vụ án 22/8/2019 chị Trịnh Thị Q đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam. Việc Tòa án nhân dân huyện L thụ lý, giải quyết vụ án khi bị đơn là chị Trịnh Thị Q đang ở nước ngoài là vi phạm về thẩm quyền giải quyết được quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trịnh Thị Q.

[3.3]. Từ những nhận định nêu trên, HĐXX thấy nội dung kháng nghị và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 3, Điều 308; Điều 310- Bộ luật Tố tụng dân sự: Hủy bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 93/2019/HNGĐ - ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng sẽ được xem xét giải quyết khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3, Điều 308; Điều 310- Bộ luật Tố tụng dân sự:
 - Chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số 20/QĐKNPT-VKS-DS ngày 20/9/2019 của Viện trưởng VKSND tỉnh Bắc Giang.

- Hủy bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 93/2019/HNGĐ-ST ngày 22/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ong Thân Thắng